

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): **Pháp luật về quyền sở hữu công nghiệp trong kinh doanh thương mại**
- Tên học phần (Tiếng Anh): **Law on industrial property right in commercial activities**
- Mã học phần: 2312062
- Số tín chỉ: **2**
- Thuộc chương trình đào tạo của bậc đại học, cao đẳng ngành luật kinh tế.
- Các học phần tiên quyết (những học phần phải học trước học phần này nếu có): Luật thương mại, luật doanh nghiệp
- Các học phần kế tiếp (những học phần ngay sau học phần này nếu có): Không.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết : 26 tiết
 - Làm bài tập trên lớp : tiết
 - Thảo luận : 4 tiết
 - Thực hành, thực tập (ở phòng thực hành, phòng Lab,...): tiết
 - Hoạt động theo nhóm : ... tiết
 - Tự học : 60 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn luật

2. Môn học trước: không

3. Mục tiêu của học phần:

- **Kiến thức**
 - Định nghĩa được quyền sở hữu công nghiệp, hợp đồng chuyển giao công nghệ, các cơ chế bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp.
 - Phân tích được nội dung quyền, các điều kiện, chủ thể đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và hợp đồng chuyển giao công nghệ, các cơ chế bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp.
 - Chuẩn bị được hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và hợp đồng chuyển giao công nghệ.
 - Dự đoán được kết quả thẩm định hồ sơ đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, đăng ký độc quyền nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, chỉ dẫn địa lý
- **Kỹ năng**
 - Hình thành kỹ năng tra cứu thành thạo các thông tin về nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích đã được đăng ký và cấp bằng.

- Có khả năng đọc, hiểu và biết cách khai thác, phân tích, đánh giá những văn bản trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ về đối tượng, cơ chế xác lập quyền, quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu các đối tượng, cơ chế bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp.
 - Có kỹ năng áp dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống.
 - Có khả năng nắm được những điểm bất cập, mâu thuẫn trong hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ; đưa ra chính kiến, nhận xét cá nhân và hướng hoàn thiện.
- **Thái độ**
 - Thể hiện được ý thức tôn trọng sản phẩm trí tuệ của người khác/ chủ thể khác.
 - Có ý thức vận dụng các kiến thức pháp luật đã học vào thực tiễn xã hội.
 - Hiểu và tôn trọng pháp luật, tôn trọng sự tự do ý chí và sự bình đẳng giữa các chủ thể trong quan hệ pháp luật sở hữu trí tuệ.

4. Chuẩn đầu ra:

	Nội dung	Đáp ứng CDR CTĐT
Kiến thức	4.1.1. Sinh viên nắm được các loại quyền sở hữu công nghiệp trong hoạt động sáng tạo, thương mại; biết được các thủ tục đăng ký bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp	K1
	4.1.2. Sinh viên biết được các quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc thiết lập các giao dịch liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp; đồng thời cũng biết áp dụng các thủ tục tố tụng trong việc bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp	K2
Kỹ năng	4.2.1. Sinh viên có khả năng tư vấn cho các cá nhân, doanh nghiệp các loại quyền sở hữu công nghiệp trong hoạt động thương mại	S1
	4.2.2. Sinh viên cũng có kỹ năng thực hiện các thủ tục đăng ký, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp	S2
Thái độ	4.3.1. Chấp hành đúng các quy định pháp luật về quyền sở hữu công nghiệp	A2
	4.3.2. Có ý thức bảo vệ tính đúng đắn của quyền sở hữu công nghiệp, đồng thời có thái độ phê phán các hành vi sai trái, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của các cá nhân, tổ chức trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.	A3

5. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này bao gồm các nội dung: khái quát chung về quyền sở hữu công nghiệp; các đối tượng quyền sở hữu công nghiệp như: sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch, nhãn hiệu, tên thương mại, bí mật kinh doanh; hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp.

6. Nội dung và lịch trình giảng dạy

Buổi	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của SV	Giáo trình chính	TLTK	Ghi chú
	CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QSHCN	6				

Buổi 1	1. Khái niệm và đặc điểm của quyền sở hữu công nghiệp 1.1. Khái niệm 1.2. Đặc điểm của quyền SHCN 2. Các nguyên tắc bảo hộ quyền SHCN 3. Chủ thể quyền SHCN 3.1 Tác giả của các đối tượng SHCN 3.2 Chủ sở hữu đối tượng SHCN 4. Nội dung quyền SHCN 4.1 Quyền nhân thân và quyền tài sản của tác giả đối tượng SHCN 4.2 Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối tượng SHCN 4.3 Quyền chống cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến các đối tượng SHCN 4.4 Hạn chế quyền SHCN 4.5 Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng trước đối tượng SHCN Phương thức xác lập quyền SHCN	Thuyết giảng Hướng dẫn SV đọc giáo trình [1]	SV nghe giảng và đọc giáo trình trước khi lên lớp để nắm một số nội dung cơ bản về chủ thể, quyền, nghĩa vụ SHCN	GT (1)	Luật sở hữu trí tuệ	4.1.1 4.1.2
Buổi 2						
Buổi 3						
	CHƯƠNG 2. ĐỐI TƯỢNG QSHCN - NHÓM CÓ TÍNH SÁNG TẠO	6				
Buổi 4	1. Sáng chế 1.1 Khái niệm 1.2 Điều kiện bảo hộ 1.3 Phạm vi bảo hộ 1.4 Thời hạn bảo hộ 2. KDCN 2.1 Khái niệm 2.2 Điều kiện bảo hộ 2.3 Phạm vi bảo hộ 2.4 Thời hạn bảo hộ 3. Thiết kế bố trí 3.1 Khái niệm 3.2 Điều kiện bảo hộ 3.3 Phạm vi bảo hộ 3.4 Thời hạn bảo hộ	Giảng và hướng dẫn SV đọc luật SHTT	Sv phải nắm rõ các khái niệm về sáng chế, điều kiện bảo hộ, phạm vi và thời hạn bảo hộ	GT (1)	Luật sở hữu trí tuệ	4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1
Buổi 5						
Buổi 6						
	CHƯƠNG 3. ĐỐI TƯỢNG QSHCN - NHÓM CÓ TÍNH THƯƠNG MẠI	4	2			
Buổi 7 đến	1. Nhãn hiệu 1.1 Khái niệm 1.2 Điều kiện bảo hộ 1.3 Phạm vi bảo hộ 1.4 Quy trình bảo hộ 1.5 Thời hạn bảo hộ 2. Tên thương mại 2.1. Khái niệm 2.2. Điều kiện bảo hộ	Giảng và hướng dẫn SV đọc luật sở hữu trí tuệ để nắm những nội dung cơ bản	SV phải đọc luật và hệ thống lại những nội dung cơ bản về quyền sở hữu công nghiệp trong	GT (1)	Luật SHTT	4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1
Buổi 8						

Buổi 9	<p>2.3. Phạm vi bảo hộ</p> <p>2.4. Thời hạn bảo hộ</p> <p>3. Chỉ dẫn địa lý</p> <p>3.1. Khái niệm</p> <p>3.2. Điều kiện bảo hộ</p> <p>3.3. Phạm vi bảo hộ</p> <p>3.4. Thời hạn bảo hộ</p>		<p>thương mại</p> <p>Chia tổ thảo luận</p>			4.3.2
	CHƯƠNG 4. HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP	4				
Buổi 10 đến buổi 11	<p>1. HĐ chuyển quyền sử dụng đối tượng SHCN</p> <p>1.1 Khái niệm hợp đồng chuyển quyền sử dụng</p> <p>1.2 Chủ thể hợp đồng</p> <p>1.3 Đối tượng hợp đồng</p> <p>1.4 Nội dung hợp đồng</p> <p>1.5 Quyền và nghĩa vụ các bên đối với trường hợp bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng</p> <p>1.6 Hình thức và thủ tục đăng ký hợp đồng</p> <p>2. HĐ chuyển giao quyền sở hữu đối tượng SHCN</p> <p>2.1 Khái niệm hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu</p> <p>2.2 Chủ thể hợp đồng</p> <p>2.3 Đối tượng hợp đồng</p> <p>2.4 Nội dung hợp đồng</p> <p>2.5 Quyền và nghĩa vụ của bên thứ 3</p> <p>2.6 Hình thức và thủ tục đăng ký hợp đồng</p>	<p>Giảng lý thuyết</p> <p>Hướng dẫn SV nắm những nội dung cơ bản của mỗi loại hợp đồng</p>	<p>SV phải đọc luật và giáo trình để nắm rõ các nội dung của hợp đồng</p>	GT (1)	Luật SHTT	<p>4.1.1</p> <p>4.1.2</p> <p>4.2.1</p> <p>4.2.2</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p>
	CHƯƠNG 5. BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP	4	2			
Buổi 12 đến buổi 15	<p>1. Khái niệm và đặc điểm bảo vệ quyền SHCN</p> <p>1.1. Khái niệm</p> <p>1.2. Đặc điểm</p> <p>2. Xác định hành vi xâm phạm quyền SHCN</p> <p>2.1 Khái quát về hành vi xâm phạm quyền SHCN</p> <p>2.2 Hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp</p> <p>3. Biện pháp bảo vệ quyền SHCN</p> <p>3.1 Khái quát về biện pháp bảo vệ quyền SHCN</p> <p>3.2 Bảo vệ quyền SHCN</p> <p>3.3 Biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến SHCN</p>	<p>Giảng</p> <p>Hướng dẫn SV đọc luật để nắm rõ các hành vi vi phạm quyền SHCN.</p>	<p>SV xem thêm quy định về xử phạt hành chính trong SHCN</p>		Luật SHTT	<p>4.1.1</p> <p>4.1.2</p> <p>4.2.1</p> <p>4.2.2</p> <p>4.3.1</p> <p>4.3.2</p>

	Tổng cộng	24	6			
--	------------------	-----------	----------	--	--	--

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia trên lớp ít nhất 70%
- Đọc trước giáo trình, luật DN 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành
- Tham gia kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần
- Chủ động tự học theo những vấn đề mà giảng viên gợi ý.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Cách đánh giá

Phân loại	Thời lượng	Tỷ trọng (%)	Quy định	Mục tiêu
Đánh giá chuyên cần		20%	Điểm danh hoặc kiểm tra kiến thức hoặc kết hợp cả hai hình thức (Gv tự tổ chức)	4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2
Kiểm tra giữa kỳ	30-45 phút	20%	Bài thi kiểm tra tự luận (Gv tự tổ chức)	4.1.2 4.3.1
Kiểm tra cuối kỳ	45-60 phút	60%	Bài thi kiểm tra tự luận	4.1.1 4.1.2 4.2.2 4.3.2

8.2. Cách tính điểm

- Điểm giữa kỳ và thi kết thúc học phần theo thang điểm 10, làm tròn đến 0,5
- Điểm học phần là điểm của 3 hình thức (chuyên cần, giữa kỳ, kết thúc môn) theo tỷ lệ nêu ở 8.1.

9. Tài liệu học tập

Giáo trình chính	[1] Trường ĐH Luật TP.HCM, Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ, NXB Hồng Đức - Hội Luật gia VN, 2015
Tài liệu tham khảo thêm	[2] Lê Nét, Quyền sở hữu trí tuệ, NXB Đại học quốc gia TP HCM, năm 2006.
Các loại tài liệu khác	Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Bộ luật dân sự 2005. Các văn bản hướng dẫn Luật sở hữu trí tuệ 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009 Tạp chí nghiên cứu lập pháp

10. Hướng dẫn sinh viên tự học

Buổi	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thảo luận, bài tập	Nhiệm vụ của SV
	CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QSHCN	6		

Buổi 1	1. Khái niệm và đặc điểm của quyền sở hữu công nghiệp 4.1. Khái niệm 4.2. Đặc điểm của quyền SHCN 5. Các nguyên tắc bảo hộ quyền SHCN 6. Chủ thể quyền SHCN 3.3 Tác giả của các đối tượng SHCN 3.4 Chủ sở hữu đối tượng SHCN 7. Nội dung quyền SHCN 4.6 Quyền nhân thân và quyền tài sản của tác giả đối tượng SHCN 4.7 Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối tượng SHCN 4.8 Quyền chống cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến các đối tượng SHCN 4.9 Hạn chế quyền SHCN 4.10 Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng trước đối tượng SHCN Phương thức xác lập quyền SHCN			SV phải đọc giáo trình trước để nắm những khái niệm cơ bản; chủ thể và nội dung quyền SHCN Đọc thêm các tài liệu tham khảo để có nhìn cách nhìn bao quát hơn về quyền SHCN
Buổi 2				
Buổi 3				
	CHƯƠNG 2. ĐỐI TƯỢNG QSHCN - NHÓM CÓ TÍNH SÁNG TẠO	6		
Buổi 4	4. Sáng chế 4.1 Khái niệm 4.2 Điều kiện bảo hộ 4.3 Phạm vi bảo hộ 4.4 Thời hạn bảo hộ 5. KDCN 5.1 Khái niệm 5.2 Điều kiện bảo hộ 5.3 Phạm vi bảo hộ 5.4 Thời hạn bảo hộ 6. Thiết kế bố trí 6.1 Khái niệm 6.2 Điều kiện bảo hộ 6.3 Phạm vi bảo hộ 6.4 Thời hạn bảo hộ			SV phải đọc luật để nắm rõ khái niệm, điều kiện bảo hộ, Phạm vi bảo hộ, Thời hạn bảo hộ của từng quyền SHCN có tính sáng tạo.
Buổi 5				
Buổi 6				
	CHƯƠNG 3. ĐỐI TƯỢNG QSHCN - NHÓM CÓ TÍNH THƯƠNG MẠI	4	2	
Buổi 7 đến	4. Nhãn hiệu 1.6 Khái niệm 1.7 Điều kiện bảo hộ			SV phải đọc luật để nắm rõ khái niệm, điều kiện bảo hộ, Phạm vi bảo hộ, Thời hạn bảo hộ của từng quyền SHCN có tính thương mại.

Buổi 8	<p>1.8 Phạm vi bảo hộ 1.9 Quy trình bảo hộ 1.10 Thời hạn bảo hộ</p> <p>5. Tên thương mại 5.1. Khái niệm 5.2. Điều kiện bảo hộ 5.3. Phạm vi bảo hộ 5.4. Thời hạn bảo hộ</p>			
Buổi 9	<p>6. Chỉ dẫn địa lý 6.1. Khái niệm 6.2. Điều kiện bảo hộ 6.3. Phạm vi bảo hộ 6.4. Thời hạn bảo hộ</p>			
	CHƯƠNG 4. HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP	4		
Buổi 10 đến buổi 11	<p>3. HĐ chuyển quyền sử dụng đối tượng SHCN 3.1 Khái niệm hợp đồng chuyển quyền sử dụng 3.2 Chủ thể hợp đồng 3.3 Đối tượng hợp đồng 3.4 Nội dung hợp đồng 3.5 Quyền và nghĩa vụ các bên đối với trường hợp bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng 3.6 Hình thức và thủ tục đăng ký hợp đồng</p> <p>4. HĐ chuyển giao quyền sở hữu đối tượng SHCN 4.1 Khái niệm hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu 4.2 Chủ thể hợp đồng 4.3 Đối tượng hợp đồng 4.4 Nội dung hợp đồng 4.5 Quyền và nghĩa vụ của bên thứ 3 4.6 Hình thức và thủ tục đăng ký hợp đồng</p>			SV phải đọc các tài liệu tham khảo, có đối chiếu với luật để hiểu rõ hơn về các nội dung của hợp đồng về chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.
	CHƯƠNG 5. BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP	4		
Buổi 12 đến 15	<p>1. Khái niệm và đặc điểm bảo vệ quyền SHCN 1.1. Khái niệm 1.2. Đặc điểm</p> <p>2. Xác định hành vi xâm phạm quyền SHCN 2.3 Khái quát về hành vi xâm phạm quyền SHCN 2.4 Hành vi xâm phạm quyền</p>			SV đọc luật SHTT, đọc các văn bản hướng dẫn thi hành luật; và văn bản về xử phạt vi phạm hành chính trong SHTT.

sở hữu công nghiệp 3. Biện pháp bảo vệ quyền SHCN 3.4 Khái quát về biện pháp bảo vệ quyền SHCN 3.5 Bảo vệ quyền SHCN 3.6 Biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến SHCN				
Tổng cộng	24	6		

Ngày 16 tháng 5 năm 2015

Trưởng khoa (BM)

Ngày 16 tháng 5 năm 2015

Người biên soạn

Ngày 29 tháng 5 năm 2015

Ban giám hiệu